

MC-Nafuplan 404 SF

Màng chống thấm gốc Bitume - Mặt cát, có độ dày 4mm.

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM:

- Màng chống thấm **MC-Nafuplan 404 SF** được tạo thành từ hỗn hợp nhựa bitume biến tính và hợp chất polymers đàn hồi (APP). Chất lượng của sản phẩm được thể hiện qua hai chỉ số: độ đàn hồi ở nhiệt độ thấp (-5°C) và khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao (110°C). Các thông số này góp phần tích cực vào việc tăng tuổi thọ của hệ thống chống thấm.
- Khả năng chống chảy tốt ở nhiệt độ cao của sản phẩm giúp sản phẩm lý tưởng để ứng dụng ở vùng có khí hậu nóng và sử dụng trên mái cách nhiệt.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG:

- Tấm mái.
- Sân thượng.
- Mái hiên.
- Lan can.
- Nền bê tông.
- Tầng hầm.
- Đầu cọc.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG:



- Chuẩn bị bề mặt:**
 - Sử dụng thiết bị thích hợp cho công tác chuẩn bị để đạt được chất lượng bề mặt yêu cầu. Cấu trúc khuôn đỡ phải có đủ độ bền kết cấu để thi công lớp chống thấm mới và hiện hữu. Khi được sử dụng làm màng lọc, hệ thống mái hoàn chỉnh phải được thiết kế và bảo đảm chống lại tải trọng gió.
 - Bề mặt nền phải đồng nhất, cứng chắc, nhẵn, không có gờ sắc nhọn, sạch sẽ, khô ráo, không dính dầu mỡ, bụi bẩn và tạp chất lỏng lẻo.
- Hoàn thiện bề mặt:** Bề mặt phía trên được hoàn thiện bằng cát. Mặt dưới có màng polyetylen tan chảy khi đốt.
- Thi công:** Quy trình thi công có thể thay đổi nhỏ tùy thuộc vào điều kiện thi công thực tế. Tuy nhiên, dưới đây là những hướng dẫn chung:
 - Căn chỉnh:** Mở cuộn và đặt mép màng **MC-Nafuplan 404 SF** vào đúng vị trí cần thi công trước khi đốt. Mỗi nối chồng giữa 2 lớp tối thiểu là 10 cm. Trường hợp có từ hai lớp trở lên thì các màng phải xếp thành hàng so le, các màng phía trên chồng lên giữa các màng phía dưới. Các lớp phủ dọc phải song song với độ dốc.
 - Khò màng:** Sau khi khò nóng màng, lăn cuộn màng về phía trước và ấn mạnh vào bề mặt nền để tạo liên kết bám dính.
- Lưu ý an toàn:** Đừng khò quá nóng. Việc khò quá mức sẽ làm cháy lớp lưới gia cường trong màng và gây hư hỏng màng.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT & ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM:

Đặc tính	Đơn vị	Thông số	Ghi chú
Chiều dài	M	10.0	-1 %
Chiều rộng	M	1.0	-1 %
Độ dày tấm màng	Mm	4	
Độ bền kéo			
• Theo chiều dọc	N/mm ²	> 3	SS 374:1994
• Theo chiều ngang			
Độ bền xé rách			
• Theo chiều dọc	kN/m	>19	ASTM D624-00 (2020)
• Theo chiều ngang		>12	
Độ giãn dài khi đứt			
• Theo chiều dọc	%	45	SS 374:1994
• Theo chiều ngang		45	
Khả năng chống đâm thủng	N	500	
Tính dẻo			
• Theo chiều dọc	Không quan sát thấy vết nứt bề mặt		ASTM D146/D146m-04
• Theo chiều ngang			
Độ ổn định kích thước theo chiều dọc/ ngang	%	± 0.3 %	
Độ đàn hồi ở nhiệt độ thấp	°C	-5	
Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao	%	110	
Độ kín nước (A)	kPa	60	EN 1928
Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao sau khi lão hóa nhân tạo	°C	110	
Kích thước mỗi cuộn (EN 1848-1)		10 m x 1 m	
Màu sắc		Đen	

Thông số kỹ thuật của đặc tính dựa trên các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm và có thể khác nhau trong ứng dụng thực tế. Để xác định tính phù hợp kỹ thuật riêng lẻ, các thử nghiệm phù hợp sơ bộ phải được thực hiện trong các điều kiện ứng dụng.

Lưu ý: Thông tin trong tài liệu này dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và chính xác theo những gì chúng tôi biết. Tuy nhiên, không có sự ràng buộc. Có thể điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu riêng biệt, ứng dụng cụ thể và đặc biệt là phù hợp với quy định địa phương. Dữ liệu của chúng tôi sử dụng các quy tắc kỹ thuật đã được chấp nhận, phải được tuân thủ trong quá trình áp dụng. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu này trong phạm vi tiêu chuẩn công bố và áp dụng vào điều kiện bán hàng-chuyển giao-và-cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Các khuyến nghị của nhân viên khác với dữ liệu trong bảng thông tin của chúng tôi chỉ có giá trị ràng buộc nếu được đưa ra dưới dạng văn bản. Phải đảm bảo luôn tuân thủ các quy tắc kỹ thuật được chấp nhận nói chung.

Phát hành 03/2024. Một số thay đổi kỹ thuật đã được thực hiện đối với bản in này. Các phiên bản cũ hơn đã bị vô hiệu và không được sử dụng nữa.